TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2026/KDTM-ST
Ngày: 17 - 8 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Cảnh Khang.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

- Ông Nguyễn Thanh Cần.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Hải Yến, là ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn G, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 47/2026/TLST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2026, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo định đưa vụ án ra xét xử số 89/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH K; địa chỉ: Số A, đường K, khu phố A, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: Tổ E, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tổ D, khu phố U, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 29/01/2026). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 4, đường Đất Cuốc số 02, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Viết N, sinh năm 1979, chức vụ: Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện hợp

pháp của nguyên đơn Công ty TNHH K trình bày:

Trong khoảng thời gian từ tháng 9/2023 đến tháng 5/2024, giữa Công ty TNHH K (sau đây gọi là Công ty K) và Công ty TNHH S (sau đây gọi là Công ty S) có thoả thuận về việc mua bán hàng hoá. Do hai bên có mối quan hệ quen biết nên việc thoả thuận mua bán hàng hoá chỉ thông qua lời nói, không ký kết hợp đồng bằng văn bản. Theo đó, Công ty K là bên bán, Công ty S là bên mua hàng hóa mua bán là băng keo cách nhiệt, ống thép, băng tải P, ống nhựa P, dây điện.

Thực hiện theo thoả thuận giữa hai bên và căn cứ vào nhu cầu hàng hoá của Công ty S từ tháng 9/2023 đến hết tháng 5/2024 Công ty K đã bán hàng hóa cho Công ty S và sau đó Công ty K xuất 05 Hóa đơn giá trị gia tăng để yêu cầu Công ty S thanh toán, cụ thể: Hoá đơn số 00000029 ngày 25/9/2023 số tiền 11.232.000 đồng; Hoá đơn số 00000112 ngày 27/11/2023 số tiền 41.580.000 đồng; Hoá đơn số 00000081 ngày 19/03/2024 số tiền 50.336.000 đồng; Hoá đơn số 00000168 ngày 27/4/2024 số tiền 70.180.000 đồng; Hoá đơn số 00000212 ngày 28/5/2024 số tiền 64.075.000 đồng; Tổng số tiền là 237.403.000 đồng.

Theo thoả thuận giữa hai bên thì sau 03 ngày kể từ khi kết thúc việc giao hàng, Công ty S có trách nhiệm thanh toán cho Công ty K Ý toàn bộ giá trị hàng đã giao. Mặc dù, Công ty K đã thực hiện nghiêm chỉnh thoả thuận giữa hai bên, tiến hành giao hàng theo thoả thuận và cũng đã xuất hóa đơn yêu cầu Công ty S thanh toán nhưng phía Công ty S chỉ thực hiện thanh toán được cho Công ty K Ý số tiền 120.516.000 đồng, cụ thể: Ngày 14/3/2024 thanh toán số tiền 50.336.000 đồng; Ngày 25/4/2024 thanh toán số tiền 70.180.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 116.887.000 đồng phía Công ty S không tiếp tục thanh toán cho Công ty K.

Xét thấy, việc Công ty S không thực hiện đúng việc thanh toán tiền hàng cho Công ty K là vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận của các bên, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty K. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp Công ty K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền nợ gốc là 116.887.000 đồng.

2. Buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền lãi suất tương ứng với số tiền chậm thanh toán theo lãi xuất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 01/6/2024) đến thời điểm Toà án xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 (làm tròn 26 tháng), cụ thể như sau: 116.887.000 x 1%/tháng x 26 tháng = 30.390.620 đồng.

Tổng số tiền Công ty TNHH S phải thanh toán cho Công ty TNHH K là: 116.887.000 đồng + 30.390.620 đồng = 147.277.620 đồng.

Quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH S đã được Tòa án thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phồ H phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật, không tham gia tố tụng, không trình bày, cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Công ty TNHH K khởi kiện yêu cầu trả tiền và lãi suất theo đồng mua bán hàng hóa đối với bị đơn Công ty TNHH S; địa chỉ đăng ký: Thửa đất số 330, tờ bản đồ số 4, đường Đất Cuốc số 02, ấp S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) nên quan hệ pháp luật chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức đăng ký kinh doanh với nhau, đều có mục đích lợi nhuận và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn Công ty TNHH S không còn hoạt động tại địa chỉ trụ sở đã đăng ký. Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với người đại điện hợp pháp của Công ty TNHH S để tham gia tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người đại diện hợp pháp bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH K và bị đơn Công ty TNHH S có mua bán hàng hóa là Băng keo cách nhiệt, ống thép, băng tải P, ống nhựa P, dây điện với nhau, nguyên đơn bên bán đã bán hàng cho bị đơn bên mua và xuất 05 Hóa đơn giá trị gia tăng yêu cầu Công ty S thanh toán, cụ thể: Hoá đơn số 00000029 ngày 25/9/2023 số tiền 11.232.000 đồng; Hoá đơn số 00000112 ngày 27/11/2023 số tiền 41.580.000 đồng; Hoá đơn số 00000081 ngày 19/03/2024 số tiền 50.336.000 đồng; Hoá đơn số 00000168 ngày 27/4/2024 số tiền 70.180.000 đồng; Hoá đơn số 00000212 ngày 28/5/2024 số

tiền 64.075.000 đồng; Tổng số tiền là 237.403.000 đồng. Đến nay Công ty TNHH S chỉ thanh toán cho Công ty TNHH K số tiền là 120.516.000 đồng, cụ thể: Ngày 14/3/2024 thanh toán số tiền 50.336.000 đồng; Ngày 25/4/2024 thanh toán số tiền 70.180.000 đồng. Số tiền nợ còn lại là 116.887.000 đồng phía Công ty S không tiếp tục thanh toán cho Công ty K.

[2.1] Hợp đồng mua bán hàng hóa giữa nguyên đơn và bị đơn ký kết là hợp đồng song vụ. Nguyên đơn bên bán đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình giao hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho bị đơn bên mua. Bị đơn mua hàng nhưng không thanh toán tiền đầy đủ và đúng thời gian đã thỏa thuận cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận mua bán hàng hóa làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 116.887.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền gốc là 116.887.000 đồng với lãi suất là 1%/tháng theo lãi suất nợ quá hạn trung bình của 03 ngân hàng kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ thanh toán (ngày 01/6/2024) đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm ngày 17/8/2026 (làm tròn 26 tháng). Lãi suất vay trung bình đối với doanh nghiệp của ba Ngân hàng N1, Công thương, Ngoại thương hiện nay giao động từ 9,5% - 10,5%/năm, tương đương trung bình là 10%/năm x 150% = 15%/năm (là lãi suất quá hạn) = 1,25%/tháng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp theo quy định tại Điều 306 của Luật thương mại. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán với lãi suất 1%/tháng trên số tiền chậm trả là trong giới hạn luật quy định và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Buộc bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán cho nguyên đơn số tiền là 30.390.620 đồng.

[3] Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ gốc và lãi là 147.277.620 đồng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Chi phí đăng phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng nên đã thi hành xong.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 40, 85, 86, 227, 228, 244, 266, 267, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 3, 24, 34, 42, 50, 55, 306 của Luật Thương mại;

- Các Điều 357, 430, 431, 434, 440 và 468 của Bộ luật sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH K đối với bị đơn Công ty TNHH S về việc "tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa".

- Buộc Công ty TNHH S trả cho Công ty TNHH K số tiền nợ gốc và lãi chậm thanh toán tính đến ngày 17/8/2026 là: 147.277.620 đồng (Một trăm bốn mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn sáu trăm hai mươi đồng), trong đó: Tiền gốc là: 116.887.000 đồng; tiền lãi là: 30.390.620 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành chậm thi hành thì còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

2. Về án phí:

Công ty TNHH S phải chịu 7.363.800 đồng (Bảy triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn tám trăm đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại cho Công ty TNHH K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.623.000 đồng (Ba triệu sáu trăm hai mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0012141 ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được thông báo, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Cảnh Khang